TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **278**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàng Bo

2. Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2009 âm lịch có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra cự cãi do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù gia đình, thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý nhưng không thể hòa giải. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Mai T sinh ngày 08/12/2009;

Nguyễn Ái T1 sinh ngày 11/10/2011; Nguyễn Trọng T2 sinh ngày 17/11/2014, đang do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 03 con, yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi 03 người con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay bà đứng quầy bán vé số cho đại lý "Thần tài gõ cửa" ở phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau, thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng. Bà và các con đang sống chung với cha mẹ và em trai của bà. Cha mẹ bà có vuông khoảng 30 công, em trai làm nghề lái xe tải, chưa lập gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà N về việc ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Ông mới đi cải tạo về được khoảng bốn mươi mấy ngày. Trong thời gian ông đi cải tạo thì cha và chế mất nên khi về ông bị hụt hẫng, lại phải lo cho mẹ bị bệnh nên việc lo lắng cho vợ con còn lơ là. Ông không đồng ý ly hôn do ông vẫn còn tình cảm với vợ, thương con, ông đề nghị bà N cho ông một thời gian để ông chứng minh tình cảm của ông.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Mai T sinh năm 2008, Nguyễn Ái T1 sinh năm 2010, Nguyễn Trọng T2 sinh năm 2013 hiện đang sống với bà N. Ông yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa giao con cho bà N nuôi thì ông không đồng ý cấp dưỡng do ông mới đi cải tạo về, chưa có nghề nghiệp ổn định, ở chung với mẹ nên chưa có điều kiện để cấp dưỡng cho con, khi nào ông có điều kiện ông sẽ tự lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay ông sống chung với mẹ, có vuông đứng tên cha mẹ diện tích 17 công, thu nhập hàng tháng từ việc xổ vuông, thu nhập tháng thất khoảng 6.000.000 đồng, thu nhập tháng trúng khoảng 12.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28/10/2024, các cháu Mai T, Á, Trọng T2 đều có nguyện vọng sống chung với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Yến N và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Ông L xác định vẫn còn tình cảm với vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông L có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế từ lúc ông L cải tạo về đến nay, ông không có động thái để hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, bà N và ông L không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định. Điều này

cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông L.

[2] Về con chung: Bà N, ông L có 03 con chung tên Nguyễn Mai T sinh ngày 08/12/2009, Nguyễn Ái T1 sinh ngày 11/10/2011, Nguyễn Trọng T2 sinh ngày 17/11/2014 đang do bà N nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông L đều có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên xét thấy từ thời gian ông L đi cải tạo đến nay, các con chung vẫn do bà N nuôi dưỡng, được học tập và phát triển tốt. Ông L hiện nay chưa có nghề nghiệp ổn định lại phải chăm sóc mẹ bệnh nên khó có thể chăm sóc chu đáo cho các con. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N cầu ông L cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà N là chính đáng, nhằm có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng các con, đây vừa là quyền lợi của các con đồng thời cũng là nghĩa vụ của ông L theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Yến N xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Mai T sinh ngày 08/12/2009, Nguyễn Ái T1 sinh ngày 11/10/2011, Nguyễn Trọng T2 sinh ngày 17/11/2014 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Mai T sinh ngày 08/12/2009, Nguyễn Ái T1 sinh ngày 11/10/2011, Nguyễn Trọng T2 sinh ngày 17/11/2014, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 (một triệu) đồng. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/11/2024) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001880 ngày 10/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí về phần cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý